

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-ST.

Ngày: 24-7-2020.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phú.

Bà Huỳnh Thị Kim Ngọc.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy - Thư ký
Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020, về việc: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Th, sinh năm: 1969. Cư trú tại: Số nhà 45/8 ấp 8, xã V, huyện C, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm: 1964. Cư trú tại: Số nhà 404/1 ấp 1, xã H, huyện C, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1964. Cư trú tại: Số nhà 404/1 ấp 1, xã H, huyện C, tỉnh L.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2020, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 16/6/2020 và những lời khai trình tại tòa, bà Trương Thị Th là nguyên đơn trình bày: Vào ngày 15/02/2018 bà có cho ông Nguyễn Tấn B vay số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 15/3/2018 sẽ thanh toán vốn, không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay để ông B cho con ông B là Nguyễn Thị Hồng L có vốn làm ăn; đồng thời bà L có thể chấp cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL690168, thửa đất số 17, tờ bản đồ số 1, diện tích 175,3m², loại đất ở nông thôn do UBND huyện C cấp cho ông Kim H (là cha chồng của bà L) ngày 22/10/2012, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH03859, do ông H đòi trả giấy nên hiện nay bà đã trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Kim H.

Đến hạn trả nợ bà đã nhiều lần yêu cầu ông B cùng vợ là bà Nguyễn Thị T trả nợ nhưng ông bà không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tấn B và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho bà 130.000.000 đồng tiền vốn vay, trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

- Ông Nguyễn Tấn B là bị đơn trình bày: Ngày 15/02/2018 theo yêu cầu của con gái ông tên Nguyễn Thị Hồng L, ông có đến làm giấy vay tiền của bà Trương Thị Th số tiền 130.000.000 đồng để con gái ông có vốn mua bán, ông viết giấy vay tiền xong ông về trước, còn con gái ông tên Nguyễn Thị Hồng L ở lại trực tiếp nhận tiền của bà Th. Sau đó thì Hồng L trả lãi cho bà Th như thế nào ông cũng không biết, hiện nay con gái ông là Hồng L làm ăn vỡ nợ nên không còn ở địa phương, ông không biết con gái ông hiện nay đang ở đâu và cũng không gửi tiền về trả cho bà Th.

Nay ông đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà Th, tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế gia đình ông khó khăn ông xin được trả dần, khi nào làm có tiền hoặc con gái ông gửi tiền về thì vợ chồng ông trả cho bà Th.

- Bà Nguyễn Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà thống nhất ý kiến của ông B là chồng của bà, bà đồng ý liên đới cùng ông B trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà Th, chồng bà vay tiền của bà Th cho con gái làm ăn nhưng hiện nay con gái bà là Hồng L đã bỏ địa phương, bà không biết địa chỉ ở đâu, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn bà xin được trả dần số tiền trên cho bà Th, khi nào vợ chồng bà làm có tiền hoặc con gái gửi tiền về thì bà trả cho bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Qua lời khai trình của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Trương Thị Th với ông Nguyễn Tấn B và bà Nguyễn Thị T có phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản, có thời hạn, không có lãi; việc tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết theo quy định.

[2]. Xét thấy ông Nguyễn Tấn B thừa nhận có vay nợ gốc của bà Trương Thị Th số tiền 130.000.000 đồng, nhưng đương sự không thống nhất về thời gian trả nợ theo yêu cầu của bà Th. Ông B và bà T đồng ý trả số nợ vốn vay là 130.000.000 đồng cho bà Th nhưng xin trả dần khi nào làm có tiền hoặc khi con gái là Nguyễn Thị Hồng L gửi tiền về sẽ trả cho bà Th. Yêu cầu của ông B, bà T không được nguyên đơn đồng ý và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật, nên không được chấp nhận. Bà Th yêu cầu ông B và bà T phải liên đới thanh toán số nợ vốn vay là 130.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi, yêu cầu này phù

hợp với quy định tại các Điều 288, 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Do đó cần buộc ông B, bà T phải liên đới thanh toán số nợ gốc vay cho bà Th số tiền 130.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với Nguyễn Thị Hồng L là con gái của ông B, bà T hiện nay đã bỏ địa phương, không biết địa chỉ; trong giấy mượn tiền do ông B viết cũng không thể hiện là mượn cho Nguyễn Thị Hồng L; bà Th cũng không yêu cầu Nguyễn Thị Hồng L phải liên đới trả tiền cho bà, do đó không cần thiết đưa Nguyễn Thị Hồng L tham gia tố tụng để cùng có trách nhiệm trả nợ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của bà Trương Thị Th được chấp nhận nên ông Nguyễn Tấn B và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (130.000.000 đồng x 5% = 6.500.000 đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 288, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trương Thị Th đối với ông Nguyễn Tấn B và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Nguyễn Tấn B và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả nợ gốc vay cho bà Trương Thị Th số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tấn B và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.500.000 đồng. Bà Trương Thị Th không phải chịu án phí, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 3.250.000 đồng, theo biên lai thu số 0000421 ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thái